ប័ណ្ណកម្មង់ទំនិញ
ĐƠN ĐẶT HÀNG

ថ្ងៃកម្មង់ / Ngày đặt _____ លេខប័ណ្ណ / Số đơn _____

អ្នកទិញ / Bên mua

ឈ្មោះហាង ឬឈ្មោះអ្នកទិញ / Tên cửa hàng, người mua _____

ទូរស័ព្ទ Telegram Zalo / Điện thoại, Telegram, Zalo _____

កន្លែងទទួលទំនិញ / Nơi nhận hàng _____

អ្នកលក់ / Bên bán

ឈ្មោះអ្នកលក់ ឬឈ្មោះហាង / Tên nhà cung cấp, cửa hàng _____

ទូរស័ព្ទ Telegram Zalo / Điện thoại, Telegram, Zalo _____

ថ្ងៃត្រូវការទំនិញ / Ngày cần hàng _____

ល.រ STT	ឈ្មោះទំនិញ ទំហំ ពណ៌ Tên hàng, cỡ, màu, mã	ឯកតា Đơn vị	ចំនួន Số lượng	តម្លៃឯកតា Đơn giá	សរុប Thành tiền
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					

សរុបទាំងអស់ / Tổng cộng _____ _____

យល់ព្រមមុនពេលដឹក / Thỏa thuận trước khi giao

- ☐ ផ្ញើរូបថត និងវីដេអូទំនិញ មុនពេលឡានចេញ / Gửi ảnh, video hàng trước khi xe chạy
- ☐ ទំនិញមានស្លាក សរសេរកន្លែងផលិតច្បាស់ / Hàng có nhãn, ghi rõ nơi sản xuất
- ☐ មានវិក្កយបត្រ / Có hóa đơn

រៀបដឹកជញ្ជូន / Cách giao hàng _____

ការបង់ប្រាក់ / Thanh toán _____

កំណត់ចំណាំ / Ghi chú _____

អ្នកទិញ / Bên mua

អ្នកលក់បញ្ជាក់ / Bên bán xác nhận